TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 109/2020/KDTM-ST.
Ngày: 18-09-2020.
Về việc:"Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Ngọc Lân.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1, Bà Nguyễn Thị Giang.
2, Ông Dương Xuân Thìn.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hải Yến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 13/2020/TLST-KDTM ngày 09 tháng 03 năm 2020, về việc: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 08 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số: 46/2020/QĐHPT-ST ngày 28 tháng 08 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần VPBank; Địa chỉ trụ sở: Số 89, phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Ngô Chí Dg - Chủ tịch HĐQT.

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Phạm Tuấn A - Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật ngân hàng, SME và cá nhân, VPBank hội sở (Văn bản quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02 tháng 03 năm 2018).

- *Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng*: Ông Ma Quang M, ông Trần Sơn T, ông Nguyễn Thế V, ông Phan Văn Ngh và ông Lại Hợp H - Cán bộ xử lý nợ (Văn bản uỷ quyền số 616/2020/UQ-VPB ngày 02 tháng 03 năm 2020 và Văn bản uỷ quyền số 1508/2020/UQ-VPB ngày 10 tháng 09 năm 2020).

2. Bị đơn: Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng C; Địa chỉ trụ sở chính: Lô 66, xóm M, thôn D, xã M, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên hệ tại: Vị trí thửa đất số 143-4, tờ bản đồ số xóm L, Tổ 22, phường Th, quận L, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật*: Bà Nguyễn Thuý Q - Giám đốc Công ty; Trú tại địa chỉ: B9, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Nhật H, sinh năm 1982; Nơi đang ký hộ khẩu thường trú: Trú tại địa chỉ: Số 1, ngõ 68/987, Tổ 26, phường Th, quận L, thành phố Hà Nội.

- Có mặt: Ông Ngh, ông H.
- Vắng mặt: Bà Q và ông H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 18 tháng 11 năm 2019; Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 20 tháng 02 năm 2020 của nguyên đơn là VPBank và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày:

Giữa VPBank và Công ty C có ký với nhau các Hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số: 240418-4005495-01-SME ngày 24 tháng 04 năm 2018; Phụ Lục Hợp đồng số: 240418-4005495-01-SME ngày 24 tháng 04 năm 2018 và 13 Khế ước nhận nợ kèm theo, theo đó: VPBank chi nhánh Ngô Quyền cho Công ty C vay số tiền gốc tổng cộng là: 6.537.461.025 đồng; Thời hạn vay và lãi suất cho vay được thỏa thuận theo từng Khế ước nhận nợ; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động gia công cơ khí của bên vay.

- Hợp đồng phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số: 4005495 ngày 22 tháng 05 năm 2018: Hạn mức sử dụng thẻ: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); Mục đích sử dụng: Phục vụ hoạt động kinh doanh; Thời hạn sử dụng thẻ: 60 tháng; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, giữa đại diện VPBank chi nhánh Ngô Quyền và ông Trần Nhật H đã thoả thuận ký Hợp đồng bảo lãnh số: 240418/HĐBL/VPBANK-NGÔ QUYỀN ngày 24 tháng 04 năm 2018. Theo đó, ông Hoàng đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty C trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 240418-4005495-01-SME ngày 24 tháng 04 năm 2018 và các hợp đồng văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty C và VPBank.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty C mới trả cho VPBank được 3.500.109.181 đồng tiền gốc và một phần nợ lãi theo thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay từ ngày 16 tháng 04 năm 2019. VPBank đã nhiều lần đôn đốc, gửi thông báo nợ quá hạn và thu hồi nợ nhưng không có kết quả do phía Công ty C không hợp tác. VPBank đã chuyển toàn bộ khoản vay của Công ty C sang nợ quá hạn từ đó đến nay.

Tạm tính đến ngày 17 tháng 07 năm 2020, Công ty C còn nợ VPBank số tiền gốc và lãi vay theo 13 Khế ước nhận nợ và 01 Thẻ tín dụng quốc tế là:

4.131.209.733đ (Bốn tỷ một trăm ba mươi mốt triệu hai trăm linh chín ngàn bẩy trăm ba ba đồng), (Trong đó : Nợ gốc là: 2.957.351.844 đồng; Nợ lãi là: 1.108.150.237 đồng; Phạt chậm trả lãi là: 65.707.652 đồng).

VPBank đề nghị Toà án giải quyết:

- Buộc Công ty C có trách nhiệm thanh toán cho VPBank toàn bộ các khoản nợ trên; Tiếp tục trả nợ lãi theo mức suất nợ quá hạn phát sinh trên số dư nợ gốc và phạt chậm trả lãi theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ tính từ ngày 18 tháng 07 năm 2020 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc tại VPBank.

- Trường hợp Công ty C không thực hiện hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì VPBank có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xác minh, kê biên, xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Công ty C và ông Trần Nhật H để thu hồi nợ.

Bị đơn trong vụ án là Công ty C do bà Nguyễn Thúy Q làm Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của công ty không gửi (nộp) văn bản ý kiến của bị đơn về việc bị khởi kiện; Không chấp hành theo đúng các thông báo, quyết định tố tụng và giấy triệu tập của Toà án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Trần Nhật H không gửi (nộp) văn bản ý kiến của mình về việc bị khởi kiện; Không chấp hành theo đúng các thông báo, quyết định tố tụng và giấy triệu tập của Toà án.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời khai và quan điểm của mình như đã nêu trên và bổ sung yêu cầu bị đơn phải trả khoản nợ gốc, nợ lãi và phạt chậm trả lãi tính từ khi chậm trả đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 18 tháng 09 năm 2020 là: 4.284.398.770đ (Bốn tỷ hai trăm tám mươi tư triệu ba trăm chín mươi tám ngàn bẩy trăm bảy mốt đồng), (Trong đó: Nợ gốc là: 2.957.351.844 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 68.165.823 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 1.086.637.158 đồng; Phạt chậm trả lãi là: 89.519.252 đồng; Nợ lãi Thẻ tín dụng : 82.724.693 đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa chấp hành nghiêm túc qui định về pháp luật tố tụng trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết và xét xử vụ án.

- Người đại diện theo pháp luật của bị đơn trong vụ án là bà Nguyễn Thúy Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Trần Nhật H không chấp hành nghiêm túc các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không gửi (nộp) cho Toà án ý kiến bằng văn bản về việc nguyên đơn khởi kiện; vắng mặt tại các phiên hòa giải và các phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án của Tòa án, dẫn đến vụ án bị kéo dài thời gian giải quyết so với quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều: 30, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Các tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của VPBank đối với Công ty C.

- Về án phí: Công ty C phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn là VPBank khởi kiện vụ án kinh doanh thương mại về đòi tiền tín dụng đối với bị đơn là Công ty C tại Tòa án nhân dân huyện Đông Anh , thành phố Hà Nội. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 010690068 ngày 15 tháng 09 năm 2015 của Công ty C thể hiện:

- Đăng ký lần đầu: Ngày 15 tháng 09 năm 2015; Địa chỉ trụ sở chính: Lô 66, xóm M, thôn D, xã M, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Trần Nhật H, sinh ngày 25/01/1982; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : Số 21 A8, Tổ 28, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội ; Chỗ ở hiện tại : Số 147, ngõ 575 đường Ng, phường Th, quận L, thành phố Hà Nội;

- Đăng ký thay đổi lần thứ 4: Ngày 27 tháng 03 năm 2019; Địa chỉ trụ sở chính: Lô 66, xóm M, thôn D, xã M, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thúy Q, sinh ngày 03/12/1973; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: B9, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội.

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ như sau:

" Điều 39. Thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ:

1. Thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự của Tòa án theo lãnh thổ được xác định như sau:

a) Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc, nếu bị đơn là cá nhân hoặc nơi bị đơn có trụ sở, nếu bị đơn là cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động quy định tại các Điều 26, 28, 30 và 32 của Bộ luật này".

Tại khoản 2 Điều 13 Hợp đồng cho vay hạn mức số: 240418-4005495-01-SME ngày 29 tháng 04 năm 2018 đã ký giữa đại diện VPBank chi nhánh Ngô Quyền và ông Trần Nhật H là đại diện theo pháp luật của Công ty C quy định:*"Các bên thông nhất rằng, địa chỉ của các bên là địa chỉ được sử dụng để Tòa án xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật. Trường hợp Bên vay thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho Bên Ngân hàng bằng văn bản thì được hiểu là Bên vay cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ và*

Bên Ngân hàng có quyền yêu cầu Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Bên vay chấp nhận việc Tòa án xét xử vắng mặt bên vay, kể cả trường hợp không lấy được lời khai của bên vay".

Như vậy, Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của VPBank là đúng thẩm quyền và xác định bà Nguyễn Thúy Q là người đại diện theo pháp luật của bị đơn trong vụ án.

[1.2]. Về việc tham gia tố tụng của đương sự trong vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thúy Q và ông Trần Nhật H đều không nộp (gửi) văn bản ý kiến nêu quan điểm của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về đơn khởi kiện của nguyên đơn, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến tranh chấp giữa các bên; Không tham gia tất cả các phiên họp, hoà giải và các phiên toà do Tòa án tổ chức mà không có lý do. Việc tống đạt giấy triệu tập, các văn bản tố tụng cho Công ty C và ông H Toà án đều phải thực hiện bằng thủ tục niêm yết theo quy định của pháp luật.

Xét việc vắng mặt của các đương sự thuộc trường hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 và Điều 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn quyết định đưa vụ án ra xét xử và giành quyền kháng cáo cho đương sự theo qui định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tranh chấp Hợp đồng tín dụng:

Giữa VPBank và Công ty C có ký với nhau các Hợp đồng tín dụng sau:

- ***Một là***: Hợp đồng cho vay hạn mức số 240418-4005495-01-SME ngày 24 tháng 04 năm 2018; Phụ lục Hợp đồng số 240418-4005495-01-SME ngày 24 tháng 04 năm 2018 và 13 Khế ước nhận nợ kèm theo. Theo đó, VPBank cho Công ty C vay số tiền tổng cộng là: 6.537.461.025 đồng; Thời hạn vay và lãi suất cho vay theo từng Khế ước nhận nợ; Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động gia công cơ khí của bên vay. Cụ thể gồm:

+ Khế ước nhận nợ số: 240418-4005495-01-SME ngày 24 tháng 04 năm 2018: Số tiền nhận nợ là: 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng); Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 24/04/2018 đến ngày 24/04/2019; Lãi suất cho vay trong hạn: 17,6%/năm, điều chỉnh 01 tháng/1 lần.

+ Khế ước nhận nợ số: 010818-4005495-01-SME ngày 01 tháng 08 năm 2018: Số tiền nhận nợ là: 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng); Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 01/08/2018 đến ngày 01/08/2019; Lãi suất cho vay trong hạn: 19,2%/năm, điều chỉnh 01 tháng/1 lần.

+ Khế ước nhận nợ số: 130918-4005495-01-SME ngày 13 tháng 09 năm 2018: Số tiền nhận nợ là: 369.165.000đ (Ba trăm sáu mươi chín triệu một trăm sáu mươi lăm ngàn đồng); Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 13/09/2018 đến ngày 13/09/2019; Lãi suất cho vay trong hạn: 19,2%/năm; điều chỉnh 01 tháng/1 lần.

+ Khế ước nhận nợ số: 121118-4005495-01-SME ngày 12 tháng 11 năm 2018: Số tiền nhận nợ là: 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng); Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 12/11/2018 đến ngày 12/11/2019; Lãi suất cho vay trong hạn: 18,2%/năm, điều chỉnh 01 tháng/1 lần.

+ Khế ước nhận nợ số: 061218-4005495-01-SME ngày 06 tháng 12 năm 2018: Số tiền nhận nợ là: 414.000.000đ (Bốn trăm mười bốn triệu đồng); Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 06/12/2018 đến ngày 06/12/2019; Lãi suất cho vay trong hạn: 17,9%/năm, điều chỉnh 01 tháng/1 lần.

+ Khế ước nhận nợ số: 070119-4005495-01-SME ngày 07 tháng 01 năm 2019: Số tiền nhận nợ là: 164.000.000đ (Một trăm sáu mươi tư triệu đồng); Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 07/01/2019 đến ngày 07/01/2020; Lãi suất cho vay trong hạn: 17,9%/năm; điều chỉnh 01 tháng/1 lần.

+ Khế ước nhận nợ số: 170119-4005495-01-SME ngày 17 tháng 01 năm 2019: Số tiền nhận nợ là: 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng); Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 17/01/2019 đến ngày 17/01/2020; Lãi suất cho vay trong hạn: 17,9%/năm, điều chỉnh 01 tháng/1 lần.

+ Khế ước nhận nợ số: 300119-4005495-01-SME ngày 30 tháng 01 năm 2019: Số tiền nhận nợ là: 154.000.000đ (Một trăm năm mươi tư triệu đồng); Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 30/01/2019 đến ngày 30/01/2020; Lãi suất cho vay trong hạn: 17,9%/năm; điều chỉnh 01 tháng/1 lần.

+ Khế ước nhận nợ số: 210219-4005495-01-SME ngày 21 tháng 02 năm 2019: Số tiền nhận nợ là: 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng); Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 21/02/2019 đến ngày 21/02/2020; Lãi suất cho vay trong hạn: 17,9%/năm, điều chỉnh 01 tháng/1 lần.

+ Khế ước nhận nợ số: 010319-4005495-01-SME ngày 01 tháng 03 năm 2019: Số tiền nhận nợ là: 228.000.000đ (Hai trăm hai mươi tám triệu đồng); Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 01/03/2019 đến ngày 01/03/2020; Lãi suất cho vay trong hạn: 17,9%/năm, điều chỉnh 01 tháng/1 lần.

+ Khế ước nhận nợ số: 180319-4005495-01-SME ngày 18 tháng 03 năm 2019: Số tiền nhận nợ là: 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng); Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 18/03/2019 đến ngày 18/03/2020; Lãi suất cho vay trong hạn: 17,9%/năm, điều chỉnh 01 tháng/1 lần.

+ Khế ước nhận nợ số: 190319-4005495-01-SME ngày 19 tháng 03 năm 2019: Số tiền nhận nợ là: 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng); Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 19/03/2019 đến ngày 19/03/2020; Lãi suất cho vay trong hạn: 17,9%/năm, điều chỉnh 01 tháng/1 lần.

+ Khế ước nhận nợ số: 020419-4005495-01-SME ngày 02 tháng 04 năm 2019: Số tiền nhận nợ là: 158.296.025đ (Một trăm năm mươi tám triệu hai trăm chín mươi sáu ngàn không trăm hai lăm đồng); Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 02/04/2019 đến ngày 02/04/2020; Lãi suất cho vay trong hạn: 17,9%/năm, điều chỉnh 01 tháng/1 lần.

- ***Hai là***: Hợp đồng phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số: 4005495 ngày 22 tháng 05 năm 2018: Hạn mức sử dụng thẻ là: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); Mục đích sử dụng: Phục vụ hoạt động kinh doanh; Thời hạn sử dụng thẻ: 60 tháng; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay, ngày 24 tháng 04 năm 2018, giữa đại diện VPBank Chi nhánh Ngô Quyền và ông Trần Nhật H đã thoả thuận ký Hợp đồng bảo lãnh số: 240418/HĐBL/VPBANK-NGÔ QUYỀN. Theo đó, ông H đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty C trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số: 240418-4005495-01-SME ngày 24 tháng 04 năm 2018 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty C và VPBank.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Công ty C mới trả được một phần nợ gốc và tiền lãi theo các Khế ước nhận nợ, vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay còn lại cho VPBank từ ngày 16 tháng 04 năm 2019 đến nay. VPBank đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Khế ước nhận nợ.

Tạm tính đến ngày 18 tháng 09 năm 2020, Công ty C còn nợ VPBank số tiền theo 13 Khế ước nhận nợ và 01 Thẻ tín dụng là: 4.284.398.771đ (Bốn tỷ hai trăm tám mươi tư triệu ba trăm chín mươi tám ngàn bẩy trăm bẩy mốt đồng), (Trong đó: Nợ gốc là: 2.957.351.844 đồng; Nợ lãi trong hạn là : 68.165.823 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 1.086.637.158 đồng; Phạt chậm trả lãi là : 89.519.252 đồng; Nợ lãi Thẻ tín tụng là: 82.724.693 đồng). Do Công ty C không trả được nợ cho VPBank đã dẫn đến tranh chấp giữa các bên.

[2.1]. Xét về Hợp đồng tín dụng: Tại thời điểm tham gia giao kết các Hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng và các Khế ước nhận nợ, VPBank và Công ty C đều có tư cách pháp nhân. Các bên hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Hình thức và nội dung của các Hợp đồng tín dụng không trái đạo đức xã hội, phù hợp qui định tại các Điều: 117, 119, 418, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật và phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm giao kết.

Theo VPBank thì Công ty C vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi của các Khế ước nhận nợ và Thẻ tín dụng từ ngày 16 tháng 04 năm 2019 đến nay với các khoản nợ gốc, lãi, phạt chậm trả lãi tạm tính đến ngày 18 tháng 09 năm 2020 nêu trên và yêu cầu Công ty C có trách nhiệm thanh toán.

Qua xem xét, tính toán mức lãi suất thoả thuận ghi trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và 13 Khế ước nhận nợ với thời gian chậm trả tương ứng thì, các khoản nợ gốc, nợ lãi và phạt chậm trả lãi mà VPBank yêu cầu đối với Công ty C là có căn cứ và được chấp nhận với số tiền nợ tổng cộng là : 4.284.398.770đ (Bốn tỷ hai trăm tám mươi tư triệu ba trăm chín mươi tám ngàn bẩy trăm bẩy mươi đồng). Trách nhiệm trả nợ hoàn toàn thuộc về Công ty C, do vi phạm thỏa thuận về thời

hạn và nghĩa vụ trả nợ được ghi trong các Hợp đồng tín dụ ng và Khế ước nhận nợ nêu trên.

[2.2]. Xét về Hợp đồng bảo lãnh: Tại thời điểm tham gia giao kết Hợp đồng bảo lãnh số: 240418/HĐBL/VPBANK-C ngày 24 tháng 04 năm 2018, VPBank có đầy đủ tư cách pháp nhân, ông Trần Nhật H có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Các bên hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Hình thức và nội dung Hợp đồng bảo lãnh không trái đạo đức xã hội, phù hợp với qui định tại các Điều: 117, 119, 292, 293, 335, 336 và 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hợp đồng bảo lãnh có hiệu lực pháp luật và phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm giao kết.

Nội dung của Hợp đồng bảo lãnh thể hiện:

"Điều 1. Phạm vi bảo lãnh và thông tin của bên được bảo lãnh:

1. Bên bảo lãnh đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại,... của Bên được bảo lãnh đối với Bên Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 240418-4005495-01-SME ngày 24 tháng 04 năm 2018 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Bên được bảo lãnh và Bên Ngân hàng,....

Điều 2. Nghĩa vụ của bên bảo lãnh:

1. Các Bên thống nhất thỏa thuận rằng, Bên bảo lãnh có nghĩa vụ thay Bên được bảo lãnh thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Bên được bảo lãnh đối với Bên Ngân hàng như quy định tại điều 1 Hợp đồng này một cách vô điều kiện và không hủy ngang ...

2. Bên bảo lãnh có nghĩa vụ thay Bên được bảo lãnh thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Bên được bảo lãnh đối với Bên Ngân hàng trong vòng bẩy (07) ngày kể từ ngày Bên nhận bảo lãnh thông báo về việc Bên được bảo lãnh vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Bên Ngân hàng.

.....

4. Bên bảo lãnh cam kết dùng mọi tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Bên bảo lãnh hoặc thu xếp để có tài sản từ tất cả các nguồn khác để đảm bảo khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Bên được bảo lãnh và ủy quyền cho Ngân hàng được tự mình hoặc yêu cầu cơ quan chức năng xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Bên bảo lãnh và theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ....".

Đối chiếu nội dung thỏa thuận của các bên nêu trên với quy định về bảo lãnh của Bộ luật Dân sự năm 2015 là hoàn toàn phù hợp, xét đề nghị Tòa án giành cho VPBank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Công ty C và của ông Trần Nhật H để thu hồi khoản nợ vay là hoàn toàn chính đáng nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí:

[3.1]. Công ty C phải nộp 112.284.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

[3.2]. VPBank được Toà án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Toà án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều: 117, 119, 292, 293, 335, 336, 339, 342, 418 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91 và Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về "Giao dịch bảo đảm"; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về "Giao dịch bảo đảm";

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 19 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất và lãi phạt vi phạm;

- Khoản 1 Điều 30; Điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Danh mục án phí và lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết;

- Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) đối với Công ty C.

2. Buộc Công ty C (Do bà Nguyễn Thúy Q đại diện) có trách nhiệm thanh toán cho VPBank tổng cộng các khoản nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 240418-4005495-01-SME ngày 24 tháng 04 năm 2018; Phụ lục Hợp đồng số 240418-4005495-01-SME ngày 24 tháng 04 năm 2018; Hợp đồng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 4005495 ngày 22 tháng 05 năm 2018 và các Khế ước nhận nợ: Số 240418 ngày 24 tháng 04 năm 2018; Số 010818 ngày 01 tháng 08 năm 2018; Số 130918 ngày 13 tháng 09 năm 2018; Số 121118 ngày 12 tháng 11 năm 2018; Số 061218 ngày 06 tháng 12 năm 2018; Số 070119 ngày 07 tháng 01 năm

2019; Số 170119 ngày 17 tháng 01 năm 2019; Số 300119 ngày 30 tháng 01 năm 2019; Số 210219 ngày 21 tháng 02 năm 2019; Số 010319 ngày 01 tháng 03 năm 2019; Số 180319 ngày 18 tháng 03 năm 2019; Số 190319 ngày 19 tháng 03 năm 2019 và Số 020419 ngày 02 tháng 04 năm 2019 là: 4.284.398.770đ (Bốn tỷ hai trăm tám mươi tư triệu, sáu trăm chín mươi tám ngàn bảy trăm bảy mươi đồng), (Trong đó: Nợ gốc là: 2.957.351.844 đồng; Nợ lãi trong hạn là : 68.165.823 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 1.086.637.158 đồng; Phạt chậm trả lãi là: 89.519.252 đồng; Nợ lãi thẻ tín dụng là: 82.724.693 đồng).

3. Công ty C (Do bà Nguyễn Thúy Q đại diện) còn phải tiếp tục trả lãi trên số dư nợ gốc và phạt chậm trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ kể từ ngày 19 tháng 09 năm 2020 đến khi trả xong toàn bộ nợ gốc tại VPBank.

4. Trường hợp Công ty C (Do bà Nguyễn Thúy Q đại diện) không thực hiện hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, VPBank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Công ty C và của ông Trần Nhật H để thu hồi khoản nợ vay.

5. Về án phí:

5.1. Công ty C (Do bà Nguyễn Thúy Q đại diện) phải nộp 112.284.000đ (Một trăm mười hai triệu hai trăm tám mươi bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

5.2. Hoàn lại cho VPBank số tiền 51.272.000đ (Năm mươi mốt triệu hai trăm bảy mươi hai ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0015452 ngày 09 tháng 03 năm 2020, do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh trả.

6. Về quyền kháng cáo:

6.1. VPBank có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6.2. Công ty C (Do bà Nguyễn Thúy Q đại diện) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6.3. Ông Trần Nhật H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ về phần có liên quan.

7. Trường hợp Quyết định thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND. huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS. huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Ngọc Lân